**Biểu mẫu 17**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**ĐƠN VỊ: KHOA KH CƠ BẢN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 -2021**

**Ngành: Sư phạm Ngữ văn Hệ: Chính quy**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | | Cao đẳng sư phạm chính quy | Trung cấp sư phạm chính quy |
| Chính quy | Liên thông chính quy | Liên thông VLVH |  |  |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương.  - Phương thức tuyển sinh: tuyển sinh dựa vào kết quả điểm thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng. |  |  |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | ***Về kiến thức***  - Có hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng và kiến thức văn hóa tổng quát.  - Có tri thức hệ thống, cơ bản kiến thức Văn học và Tiếng Việt.  - Có kiến thức nghiệp vụ sư phạm, bao gồm Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh ở phổ thông.  - Có kiến thức tin học tương đương trình độ B.  - Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.  - Có kiến thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục.  ***Về kỹ năng***  - Có kĩ năng sư phạm; phân tích và đánh giá đặc điểm tâm lí của học sinh và môi trường giáo dục để giải quyết được các tình huống sư phạm một cách hợp lí.  - Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.  - Sử dụng thành thạo các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ trong dạy học Ngữ văn.  - Nghiên cứu khoa học về Ngữ văn có liên quan đến nội dung, chương trình dạy học.  - Có kĩ năng giao tiếp đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và chuẩn mực xã hội, có khả năng phối hợp với gia đình, xã hội để giáo dục học sinh.  - Có kĩ năng triển khai nghiên cứu những vấn đề thuộc thực tiễn giáo dục.  - Có kĩ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.  ***Về thái độ***  - Có phẩm chất chính trị và ý thức trách nhiệm công dân, có ý thức kỉ luật và tác phong gương mẫu, chuẩn mực.  - Yêu nghề, thương yêu học sinh, tôn trọng đồng nghiệp, có đạo đức, lương tâm của nhà giáo, có ý thức nâng cao nghiệp vụ dạy học.  - Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.  - Có ý thức tu dưỡng bản thân và phấn đấu vươn lên trong công tác.  ***Về ngoại ngữ***  + Có thể sử dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt trình độ B1 (tương đương bậc 3 trong thang 6 bậc của Việt Nam). |  |  |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Trường Đại học Quảng Bình có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo.  - Thư viện Trường Đại học Quảng Bình có hơn 80.000 cuốn sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có gần 53.000 sách tham khảo, 27.000 sách giáo trình và hơn 35 tạp chí chuyên ngành.  - Mỗi lớp sinh hoạt của sinh viên có một cố vấn học tập, có nhiệm vụ tư vấn cho sinh viên về học tập, sinh hoạt.  - Phòng Đào tạo, bộ phận Giáo vụ khoa hỗ trợ, tư vấn cho người học về các vấn đề học vụ.  - Dịch vụ dành cho người học đa dạng và hầu hết đều có thể thực hiện qua online như: xem thông báo, đăng ký học phần, tra cứu điểm thi, …  - Trường, Khoa, Bộ môn thường xuyên tổ chức các báo cáo chuyên đề, hội thảo để tạo điều kiện cho người học tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm với chuyên gia trong và ngoài nước.  - Tổ chức tham quan thực tế, kiến tập, thực tập nghề theo định kỳ.  - Có nhiều CLB sinh viên: hoạt động thường xuyên, hiệu quả: CLB Nghiên cứu khoa học, CLB Tiếng Anh, CLB Guitar, … |  |  |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Thực hiện theo Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quy chế 43 và Thông tư 57 và Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định 2516/QĐ-ĐHQB ngày 19 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình.  - Thời gian đào tạo: 4 năm  - Khối lượng kiến thức toàn khoá: 130 tín chỉ *(chưa kể giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất)* |  |  |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Có khả năng học sau đại học ở các chuyên ngành Ngữ văn, Lí luận và phương pháp dạy học Ngữ văn và Tiếng Việt.  - Có khả năng học văn bằng hai các ngành khoa học xã hội và nhân văn. |  |  |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | -  Giảng dạy môn Ngữ văn trong trường phổ thông; giảng dạy các học phần thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ và Văn học trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; cán bộ quản lí giáo dục; nghiên cứu tại các viện nghiên cứu Văn học, Ngôn ngữ.  - Công tác hoặc cộng tác viên trong các cơ quan giáo dục, văn hóa, thông tin và truyền thông có nhu cầu về nguồn nhân lực liên quan đến Ngữ văn. |  |  |  |  |

**Biểu mẫu 17**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**ĐƠN VỊ: KHOA KH CƠ BẢN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 -2021**

**Ngành: Sư phạm Ngữ văn, Văn bằng 2, Khóa: 61. Hệ: Vừa làm vừa học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học (hệ Vừa làm vừa học) | Cao đẳng sư phạm chính quy | Trung cấp sư phạm chính quy |
| Văn bằng 2 |  |  |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Đã tốt nghiệp 1 bằng đại học sư phạm không phải là sư phạm Ngữ văn.  - Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trên phạm vi cả nước |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | ***Về kiến thức***  - Có hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng và kiến thức văn hóa tổng quát.  - Có tri thức hệ thống, cơ bản kiến thức Văn học và Tiếng Việt.  - Có kiến thức nghiệp vụ sư phạm, bao gồm Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh ở phổ thông.  - Có kiến thức tin học tương đương trình độ B.  - Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.  - Có kiến thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục.  ***Về kỹ năng***  - Có kĩ năng sư phạm; phân tích và đánh giá đặc điểm tâm lí của học sinh và môi trường giáo dục để giải quyết được các tình huống sư phạm một cách hợp lí.  - Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.  - Sử dụng thành thạo các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ trong dạy học Ngữ văn.  - Nghiên cứu khoa học về Ngữ văn có liên quan đến nội dung, chương trình dạy học.  - Có kĩ năng giao tiếp đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và chuẩn mực xã hội, có khả năng phối hợp với gia đình, xã hội để giáo dục học sinh.  - Có kĩ năng triển khai nghiên cứu những vấn đề thuộc thực tiễn giáo dục.  - Có kĩ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.  ***Về thái độ***  - Có phẩm chất chính trị và ý thức trách nhiệm công dân, có ý thức kỉ luật và tác phong gương mẫu, chuẩn mực.  - Yêu nghề, thương yêu học sinh, tôn trọng đồng nghiệp, có đạo đức, lương tâm của nhà giáo, có ý thức nâng cao nghiệp vụ dạy học.  - Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.  - Có ý thức tu dưỡng bản thân và phấn đấu vươn lên trong công tác.  ***Về ngoại ngữ***  + Có thể sử dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt trình độ B1 (tương đương bậc 3 trong thang 6 bậc của Việt Nam). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Trường Đại học Quảng Bình có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo.  - Thư viện Trường Đại học Quảng Bình có hơn 80.000 cuốn sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có gần 53.000 sách tham khảo, 27.000 sách giáo trình và hơn 35 tạp chí chuyên ngành.  - Mỗi lớp sinh hoạt của sinh viên có một cố vấn học tập, có nhiệm vụ tư vấn cho sinh viên về học tập, sinh hoạt.  - Phòng Đào tạo, bộ phận Giáo vụ khoa hỗ trợ, tư vấn cho người học về các vấn đề học vụ.  - Dịch vụ dành cho người học đa dạng và hầu hết đều có thể thực hiện qua online như: xem thông báo, đăng ký học phần, tra cứu điểm thi, …  - Trường, Khoa, Bộ môn thường xuyên tổ chức các báo cáo chuyên đề, hội thảo để tạo điều kiện cho người học tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm với chuyên gia trong và ngoài nước.  - Tổ chức tham quan thực tế, kiến tập, thực tập nghề theo định kỳ.  - Có nhiều CLB sinh viên: hoạt động thường xuyên, hiệu quả: CLB Nghiên cứu khoa học, CLB Tiếng Anh, CLB Guitar, … |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Mã ngành: Sư phạm Ngữ văn, Văn bằng 2. Hệ: Vừa làm vừa học.  Chương trình đào tạo gồm: Khoảng 80 tín chỉ (sinh viên có chương trình học khác nhau). |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Có khả năng học sau đại học ở các chuyên ngành Ngữ văn, Lí luận và phương pháp dạy học Ngữ văn và Tiếng Việt. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | -  Giảng dạy môn Ngữ văn trong trường phổ thông; giảng dạy các học phần thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ và Văn học trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; cán bộ quản lí giáo dục; nghiên cứu tại các viện nghiên cứu Văn học, Ngôn ngữ.  - Công tác hoặc cộng tác viên trong các cơ quan giáo dục, văn hóa, thông tin và truyền thông có nhu cầu về nguồn nhân lực liên quan đến Ngữ văn. |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Biểu mẫu 17**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**ĐƠN VỊ: KHOA KH CƠ BẢN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 -2021**

**Ngành: Sư phạm Ngữ văn (Liên thông từ CĐSP). Khóa: 61, Hệ: Vừa làm vừa học.**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học (hệ Vừa làm vừa học) | Cao đẳng sư phạm chính quy | Trung cấp sư phạm chính quy |
| Liên thông từ CĐSP |  |  |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh |  |  | - Tốt nghiệp CĐSP chuyên ngành Văn (Văn - Sử, Văn – Nhạc, Văn – GDCD, Văn – Địa… )  - Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh thí sinh có hộ khẩu tại Quảng Bình và các tỉnh lân cận. |  |  |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được |  |  | ***Về kiến thức***  - Có hiểu biết về kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có chứng chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng và kiến thức văn hóa tổng quát.  - Có tri thức hệ thống, cơ bản kiến thức Văn học và Tiếng Việt.  - Có kiến thức nghiệp vụ sư phạm, bao gồm Tâm lí học, Giáo dục học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh ở phổ thông.  - Có kiến thức tin học tương đương trình độ B.  - Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.  - Có kiến thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước và quản lí giáo dục.  ***Về kỹ năng***  - Có kĩ năng sư phạm; phân tích và đánh giá đặc điểm tâm lí của học sinh và môi trường giáo dục để giải quyết được các tình huống sư phạm một cách hợp lí.  - Lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông.  - Sử dụng thành thạo các phương tiện kĩ thuật hỗ trợ trong dạy học Ngữ văn.  - Nghiên cứu khoa học về Ngữ văn có liên quan đến nội dung, chương trình dạy học.  - Có kĩ năng giao tiếp đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và chuẩn mực xã hội, có khả năng phối hợp với gia đình, xã hội để giáo dục học sinh.  - Có kĩ năng triển khai nghiên cứu những vấn đề thuộc thực tiễn giáo dục.  - Có kĩ năng làm việc nhóm; khả năng tự học, tự nghiên cứu; khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.  ***Về thái độ***  - Có phẩm chất chính trị và ý thức trách nhiệm công dân, có ý thức kỉ luật và tác phong gương mẫu, chuẩn mực.  - Yêu nghề, thương yêu học sinh, tôn trọng đồng nghiệp, có đạo đức, lương tâm của nhà giáo, có ý thức nâng cao nghiệp vụ dạy học.  - Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.  - Có ý thức tu dưỡng bản thân và phấn đấu vươn lên trong công tác.  ***Về ngoại ngữ***  + Có thể sử dụng được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đạt trình độ B1 (tương đương bậc 3 trong thang 6 bậc của Việt Nam). |  |  |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học |  |  | - Trường Đại học Quảng Bình có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo.  - Thư viện Trường Đại học Quảng Bình có hơn 80.000 cuốn sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có gần 53.000 sách tham khảo, 27.000 sách giáo trình và hơn 35 tạp chí chuyên ngành.  - Mỗi lớp sinh hoạt của sinh viên có một cố vấn học tập, có nhiệm vụ tư vấn cho sinh viên về học tập, sinh hoạt.  - Phòng Đào tạo, bộ phận Giáo vụ khoa hỗ trợ, tư vấn cho người học về các vấn đề học vụ.  - Dịch vụ dành cho người học đa dạng và hầu hết đều có thể thực hiện qua online như: xem thông báo, đăng ký học phần, tra cứu điểm thi, …  - Trường, Khoa, Bộ môn thường xuyên tổ chức các báo cáo chuyên đề, hội thảo để tạo điều kiện cho người học tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm với chuyên gia trong và ngoài nước.  - Tổ chức tham quan thực tế, kiến tập, thực tập nghề theo định kỳ.  - Có nhiều CLB sinh viên: hoạt động thường xuyên, hiệu quả: CLB Nghiên cứu khoa học, CLB Tiếng Anh, CLB Guitar, … |  |  |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện |  |  | Mã ngành: Sư phạm Ngữ văn, Hệ: Vừa làm vừa học.  Chương trình đào tạo gồm: Khoảng 50 tín chỉ (sinh viên có chương trình học khác nhau). |  |  |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường |  |  | - Có khả năng học sau đại học ở các chuyên ngành Ngữ văn, Lí luận và phương pháp dạy học Ngữ văn và Tiếng Việt.  - Có khả năng học văn bằng hai các ngành khoa học xã hội và nhân văn. |  |  |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp |  |  | -  Giảng dạy môn Ngữ văn trong trường phổ thông; giảng dạy các học phần thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ và Văn học trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; cán bộ quản lí giáo dục; nghiên cứu tại các viện nghiên cứu Văn học, Ngôn ngữ.  - Công tác hoặc cộng tác viên trong các cơ quan giáo dục, văn hóa, thông tin và truyền thông có nhu cầu về nguồn nhân lực liên quan đến Ngữ văn. |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Biểu mẫu 18**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**ĐƠN VỊ: KHOA KH CƠ BẢN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 - 2021**

**A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Khối ngành | Quy mô sinh viên hiện tại | | | | | | | |
| Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | | Cao đẳng sư phạm | | Trung cấp sư phạm | |
| Chính quy | Vừa làm  vừa học | Chính quy | Vừa làm vừa học | Chính quy | Vừa làm  vừa học |
|  | **Tổng số** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Khối ngành I |  |  | 19 | 7 |  |  |  |  |
| 2 | Khối ngành II |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Khối ngành III |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Khối ngành IV |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Khối ngành V |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Khối ngành VI |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Khối ngành VII |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu mẫu 18**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học   
năm học 2020 - 2021**

**C. Công khai các môn học của khóa 59, chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn, hệ chính quy**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mục tiêu môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy (dự kiến )** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| 1 | Văn học Việt Nam hiện đại IV (từ 1975 đến nay) | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 15/10 - 22/11/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 2 | Thực hành dạy học | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 28/9 – 1/11/2020 | Thực hành |
| 3 | Tiếng Việt ở trường phổ thông | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 02/11 -22/11/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 4 | Phát triển chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 24/8 – 15/10/2020 | Viết,Vấn đáp hoặc tiểu luận |
| 5 | Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 2 | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 24/8 – 27/9/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 6 | Đánh giá trong dạy học Ngữ văn | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 13/10 - 01/12/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 7 | Ngữ dụng học | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 24/8 – 13/10/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 8 | Lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 12/4-16/5/2021 | Viết hoặc tiểu luận |
| 9 | Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn ở PT (TTKLTN) | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 12/4-16/5/2021 | Viết hoặc tiểu luận |
| 10 | Ngôn ngữ với văn chương (Thay thế KLTN) | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 12/4-16/5/2021 | Viết hoặc tiểu luận |

**Lập biểu Trưởng khoa**

**ThS Lê Trọng Đại TS. Nguyễn Thành Chung**

**Biểu mẫu 18**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học   
năm học 2020 - 2021**

**C. Công khai các môn học của khóa 61, chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn, hệ: Chính quy**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mục tiêu môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy (dự kiến )** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| 1 | Văn học phương Đông | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 24/8 – 22/11/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 2 | Văn bản Hán Nôm | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 24/8 – 22/11/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 3 | Từ vựng - Ngữ nghĩa Tiếng Việt | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 24/8 – 22/11/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 4 | Văn học Việt Nam Trung đại I (thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII) | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 24/8 – 22/11/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 5 | TP văn học và thể loại văn học | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 02- 05/2021 | Viết hoặc tiểu luận |
| 6 | Văn học Việt Nam trung đại II (từ đầu thế kỷ XVIII đến hết thế kỷ XIX) | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 02- 05/2021 | Viết hoặc tiểu luận |
| 7 | Văn học phương Tây 1 | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 02- 05/2021 | Viết hoặc tiểu luận |
| 8 | Chuyên đề thi pháp học | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 02- 05/2021 | Viết hoặc tiểu luận |
| 9 | Tiến trình văn học | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 02- 05/2021 | Viết hoặc tiểu luận |
| 10 | Văn học Việt Nam hiện đại I (từ đầu TK XX đến năm 1930) | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 02- 05/2021 | Viết hoặc tiểu luận |

**Lập biểu Trưởng khoa**

**ThS Lê Trọng Đại TS. Nguyễn Thành Chung**

**Biểu mẫu 18**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học   
năm học 2020 - 2021**

**C. Công khai các môn học của khóa 61, chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn (Liên thông từ Cao đẳng), hệ Vừa làm vừa học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mục tiêu môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy (dự kiến )** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| 1 | Tiến trình văn học | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 7 - 9/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 2 | Tiếp nhận văn học | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 7 - 9/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 3 | Văn học nước ngoài ở nhà trường TH phổ thông | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 7 - 9/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 4 | Phát triển chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 7- 8/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 5 | Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 2 | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 8 - 9/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 6 | Đánh giá trong dạy học Ngữ văn | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 9- 10/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 7 | Lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam (TTKLTN) | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 9- 11/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 8 | Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn ở PT (TTKLTN) | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 9- 11/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 9 | Ngôn ngữ với văn chương (Thay thế KLTN) | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 9- 11/2020 | Viết hoặc tiểu luận |

**Lập biểu Trưởng khoa**

**ThS Lê Trọng Đại TS. Nguyễn Thành Chung**

**Biểu mẫu 18**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học   
năm học 2020 - 2021**

**C. Công khai các môn học của khóa 61, chuyên ngành Sư phạm Ngữ văn, Văn bằng 2, hệ Vừa làm vừa học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên môn học** | **Mục tiêu môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy (dự kiến )** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| 1 | Tiến trình văn học | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 7 - 9/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 2 | Tiếp nhận văn học | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 3 | 7 - 9/2020 | Thực hành |
| 3 | Văn học nước ngoài ở nhà trường TH phổ thông | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 7 - 9/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 4 | Phát triển chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 7- 8/2020 | Viết,Vấn đáp hoặc tiểu luận |
| 5 | Lý luận và phương pháp dạy học Ngữ văn 2 | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 8 - 9/2020 | Viết hoặc tiểu luận |
| 6 | Đánh giá trong dạy học Ngữ văn | Phát triển khối kiến thức chuyên ngành | 2 | 9- 10/2020 | Viết hoặc tiểu luận |

**Lập biểu Trưởng khoa**

**ThS Lê Trọng Đại TS. Nguyễn Thành Chung**

**Biểu mẫu 18**

**D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) | Năm xuất bản | Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) |
| 1 | Phong cách học Tiếng Việt | 1995 |  |
| 2 | Bài giảng về chữ Hán - chữ Nôm | 2015 |  |
| 3 | Phương pháp dạy học Tiếng Việt | 1997 |  |
| 4 | Giáo trình ngữ âm tiếng Việt | 1994 |  |
| 5 | Giáo trình ngữ pháp Tiếng việt | 2008 |  |
| 6 | Giáo trình Ngữ pháp chức năng Tiếng Việt | 1995 |  |
| 7 | Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt | 2007 |  |
| 8 | Phương pháp dạy học Tiếng Việt | 2000 |  |
| 9 | Ngôn ngữ với văn chương | 2016 |  |
| 10 | Giáo trình ngữ dụng học | 2007 |  |
| 11 | GT dẫn luận ngôn ngữ học | 2008 |  |
| 12 | Cơ sở ngữ dụng học | 2003 |  |
| 13 | Giáo trình Dẫn luận ngôn ngữ học | 2015 |  |
| 14 | Dẫn luận ngôn ngữ học | 2012 |  |
| 15 | Giáo trình dẫn luận ngôn ngữ học | 2007 |  |
| 16 | Phương pháp luận giải mã văn bản văn học | 2014 |  |
| 17 | Phương pháp dạy học văn | 2008 |  |
| 18 | Văn học thế kỷ XX | 2006 |  |
| 19 | Tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài trong nhà trường | 1999 |  |
| 20 | Lý luận văn học | 2002 |  |
| 21 | Văn học phương Tây | 1997 |  |
| 22 | Giáo trình lí luận văn học | 2005 |  |
| 23 | Văn học Âu -Mỹ thế kỷ XX | 2011 |  |
| 24 | Văn học hiện đại, lý thuyết và tiếp nhận | 2013 |  |
| 25 | Hợp tuyển văn học Châu Á | 2002 |  |
| 26 | Văn học Ấn Độ | 1998 |  |
| 27 | Giáo trình văn học Trung Quốc | 1994 |  |
| 28 | Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868 | 2013 |  |
| 29 | Dạo chơi vườn văn Nhật Bản | 2006 |  |
| 30 | Văn học Nhật Bản | 1998 |  |
| 31 | Thơ ca Nhật Bản | 2007 |  |
| 32 | Thi pháp thơ Đường | 1995 |  |
| 33 | Ngữ văn Hán Nôm | 1995 |  |
| 34 | Giáo trình văn học trung đại Việt Nam | 2007 |  |
| 35 | Giáo trình Văn học Việt Nam hiện đại | 2007 |  |
| 36 | Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy | 2009 |  |
| 37 | Văn học Việt Nam (1900 - 1945) | 1997 |  |
| 38 | Văn học Việt Nam 1900 - 1930 | 1996 |  |
| 39 | Văn học trung đại Việt Nam | 2008 |  |
| 40 | Thơ Việt nam 1945 - 1954 | 1995 |  |
| 41 | Văn học Việt Nam thế kỷ XX: Thơ ca 1945 - 1975 | 2010 |  |
| 42 | Văn học Việt Nam thế kỷ XX | 2007 |  |
| 43 | Giáo trình văn học trung đại Việt Nam | 2011 |  |
| 44 | Văn học dân gian | 2012 |  |
| 45 | Thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông | 2016 |  |
| 46 | Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn Trung học phổ thông | 2016 |  |
| 47 | Lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam | 2013 |  |
| 48 | Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh, Quyển 2, Khoa học Xã hội | 2015 |  |

**E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
| 1 | Tiến sĩ |  |  |  |  |
| 2 | Thạc sĩ |  |  |  |  |
| 3 | Đại học |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên đơn vị đặt hàng đào tạo | Số lượng | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Kết quả đào tạo |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

**H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học | Thời gian tổ chức | Địa điểm tổ chức | Số lượng đại biểu tham dự |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. **Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |

**K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | | Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo | Thời điểm đánh giá ngoài | Kết quả đánh giá/Công nhận | | Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD | Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục | Giấy chứng nhận/Công nhân | |
| Ngày cấp | Giá trị đến |
| 1 | | Trường Đại học Quảng Bình | Tháng 11 / 2017 |  | |  | Đạt |  |  |
| 2 | |  |  |  | |  |  |  |  |
|  | | | | *Quảng Bình, ngày ….. tháng 10 năm 2020* | | | | |

**NGƯỜI LẬP BIỂU TRƯỞNG ĐƠN VỊ**